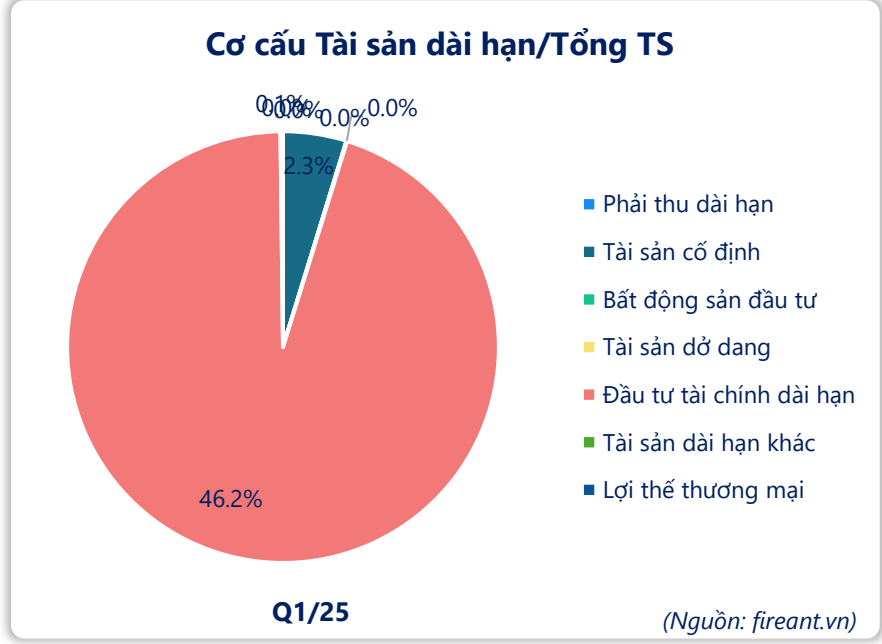
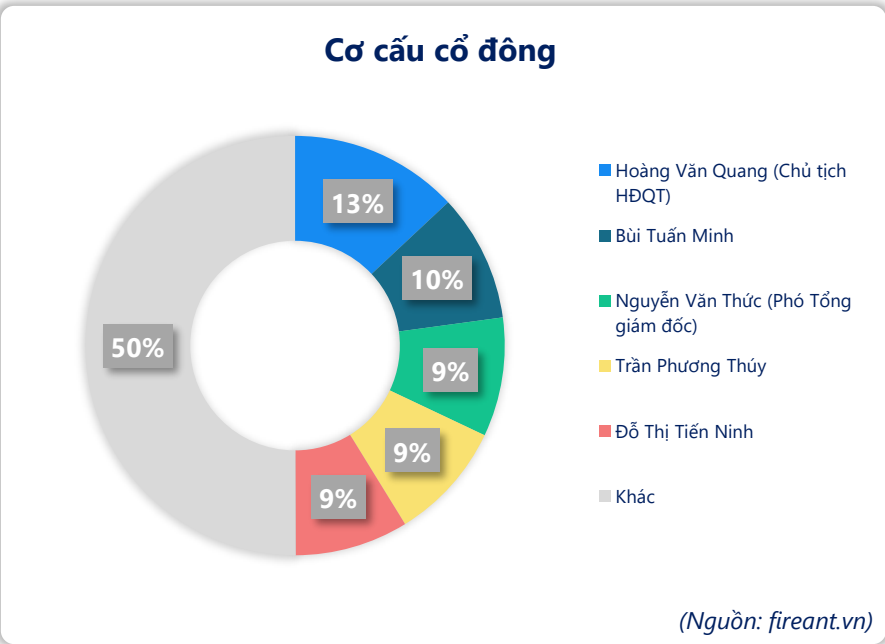
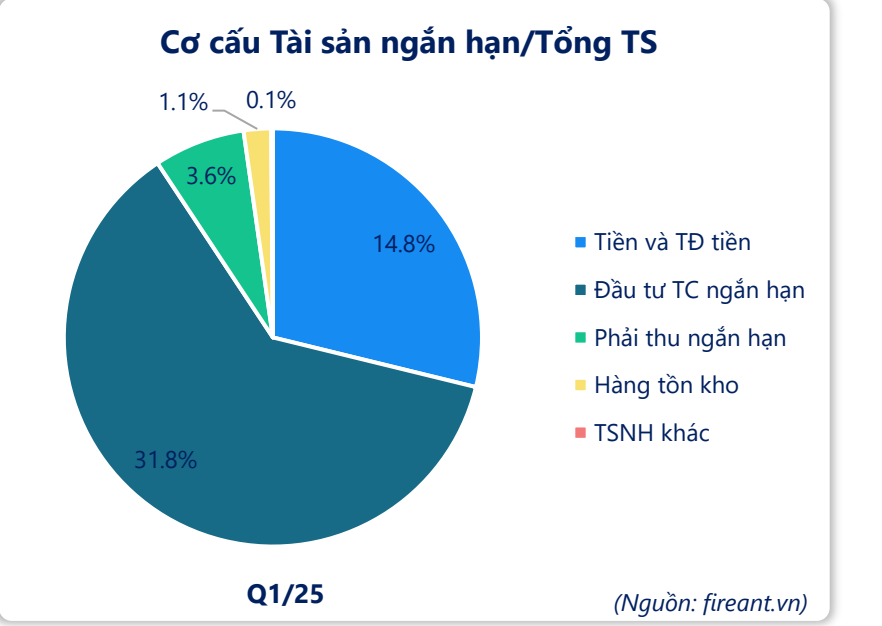
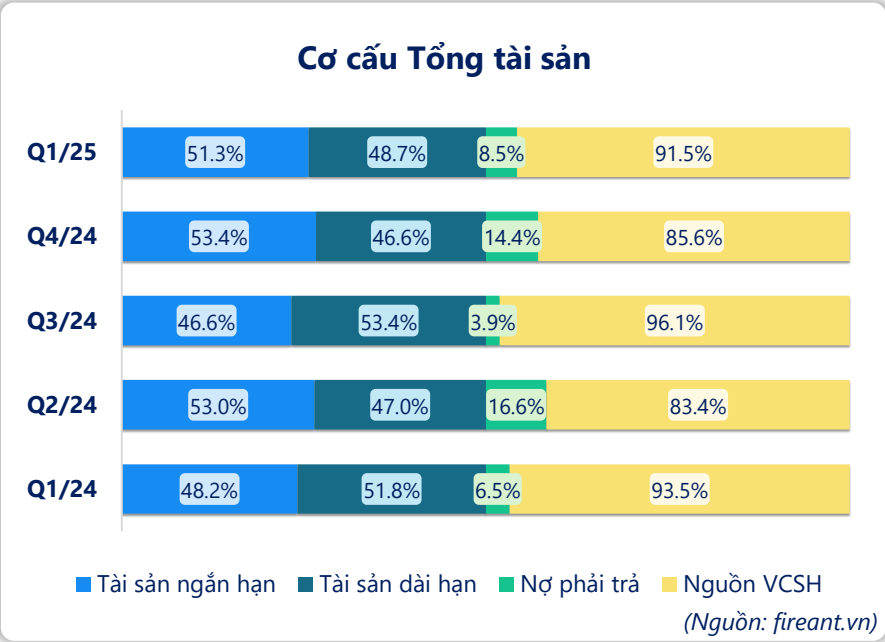
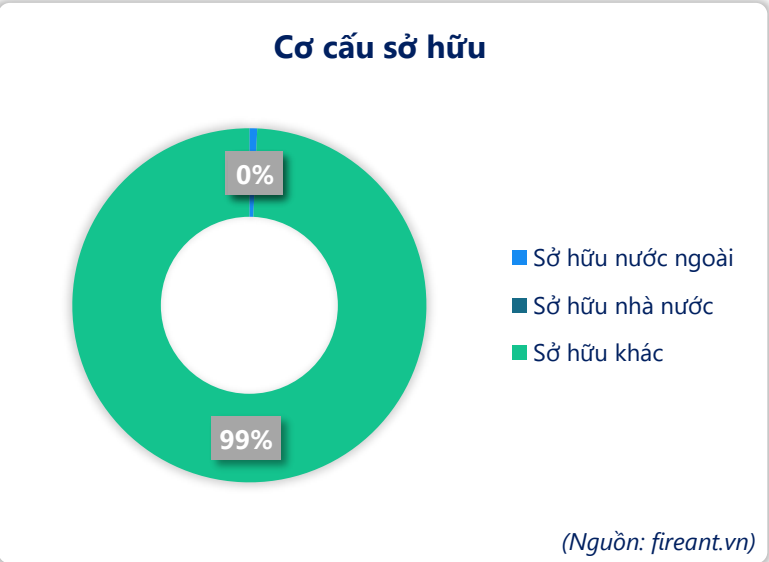
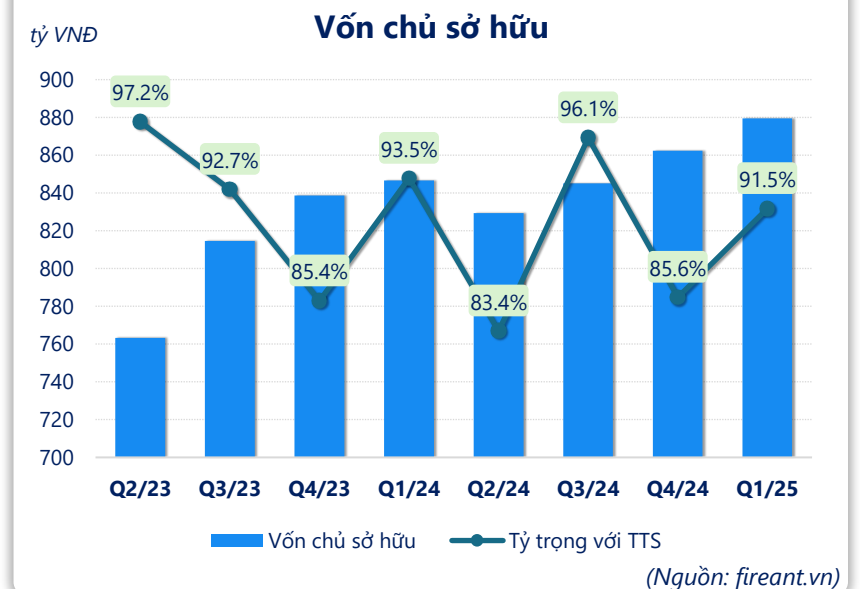
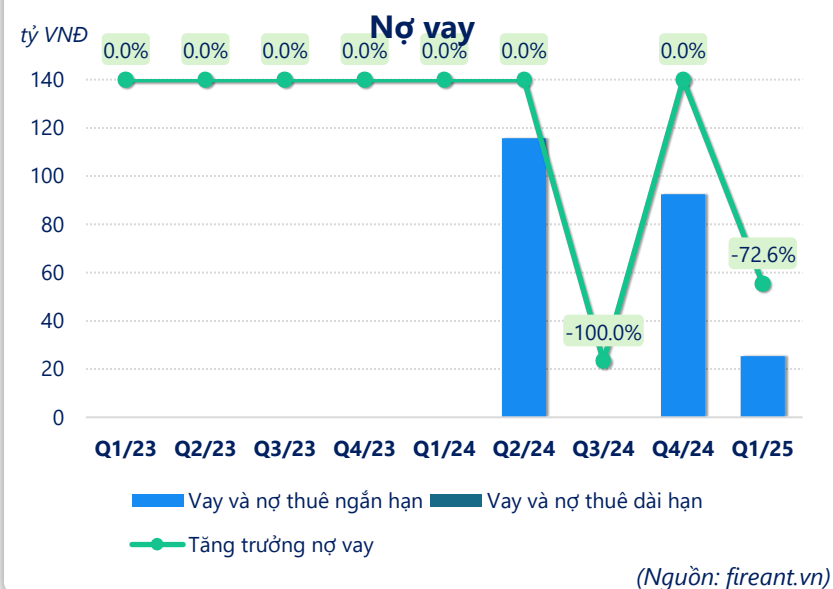
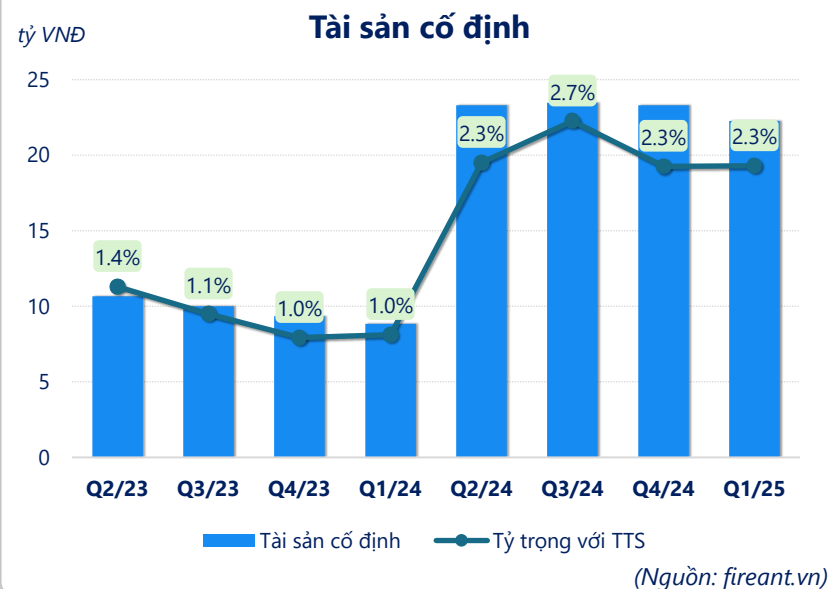
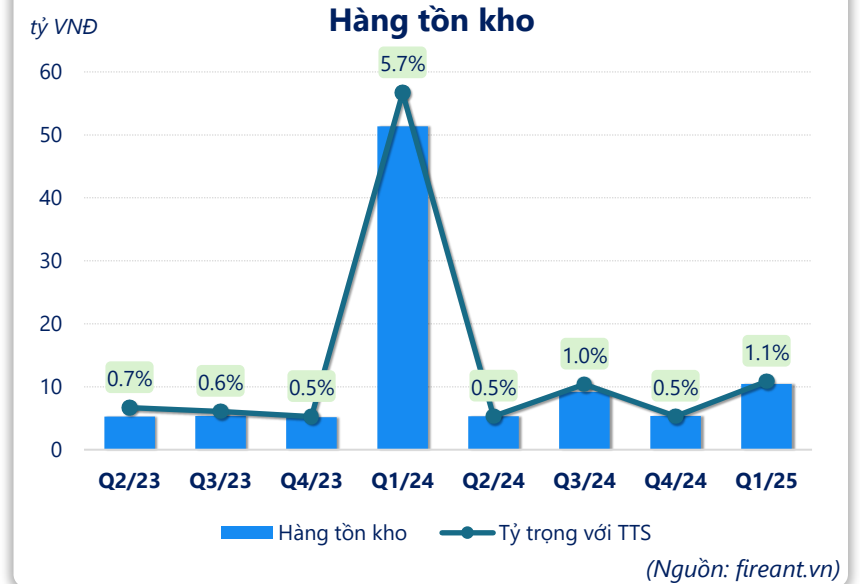
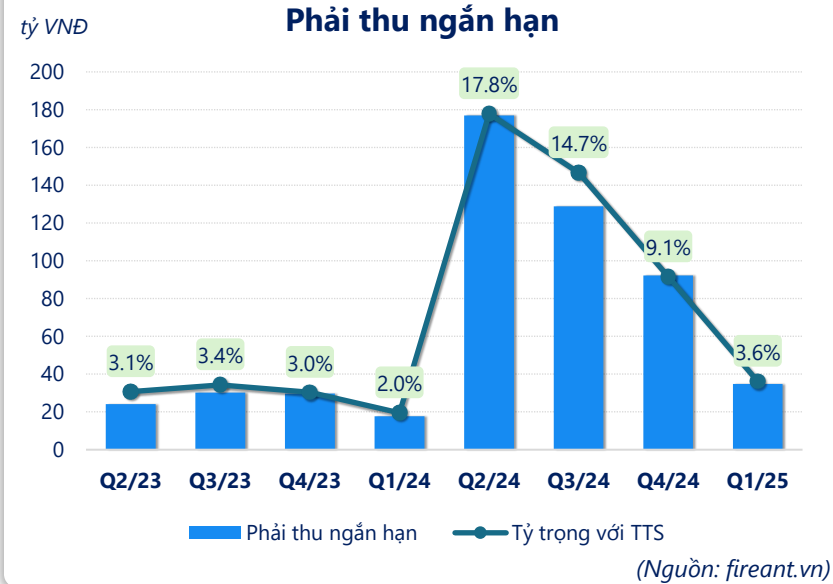
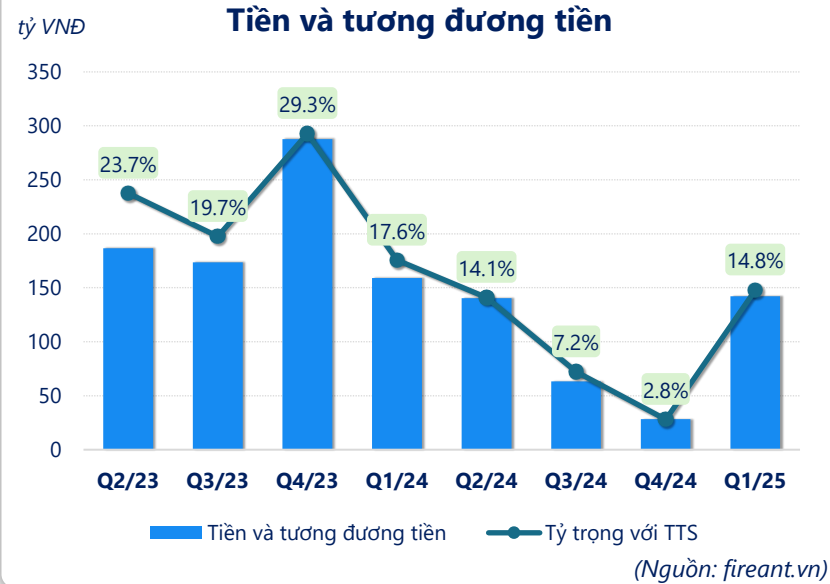
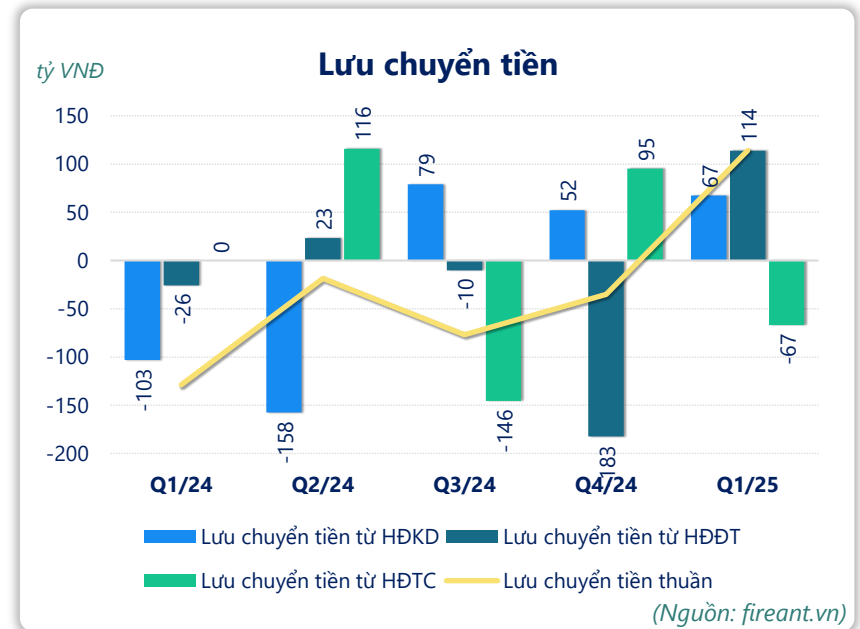
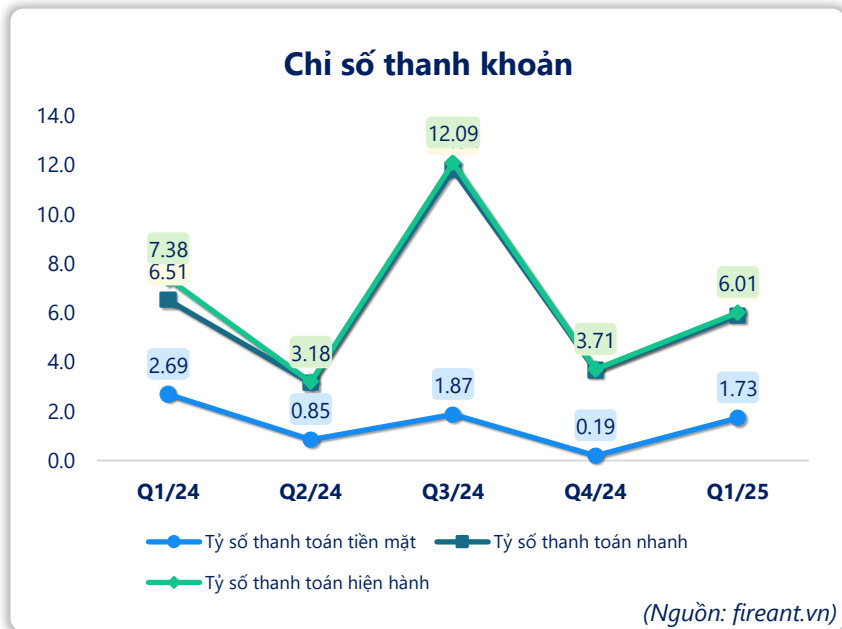
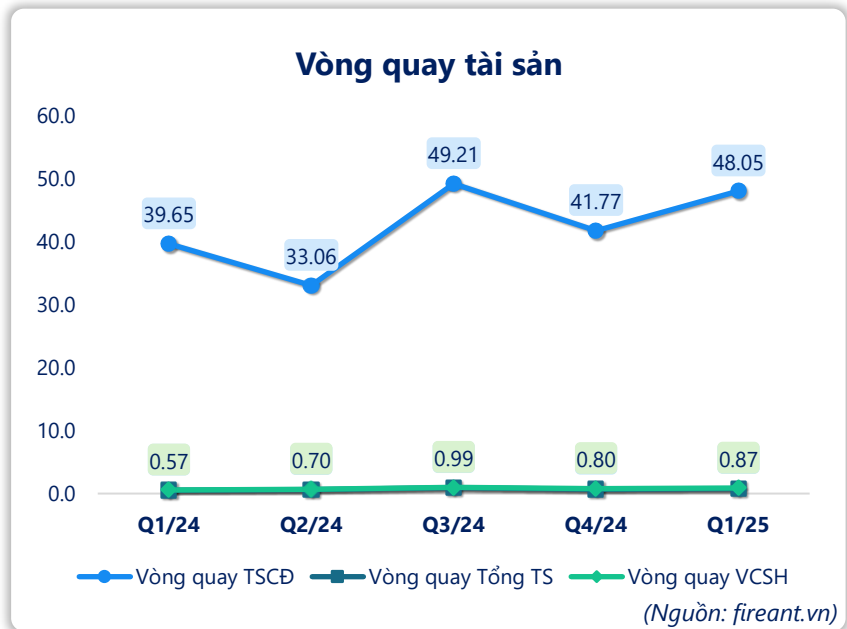
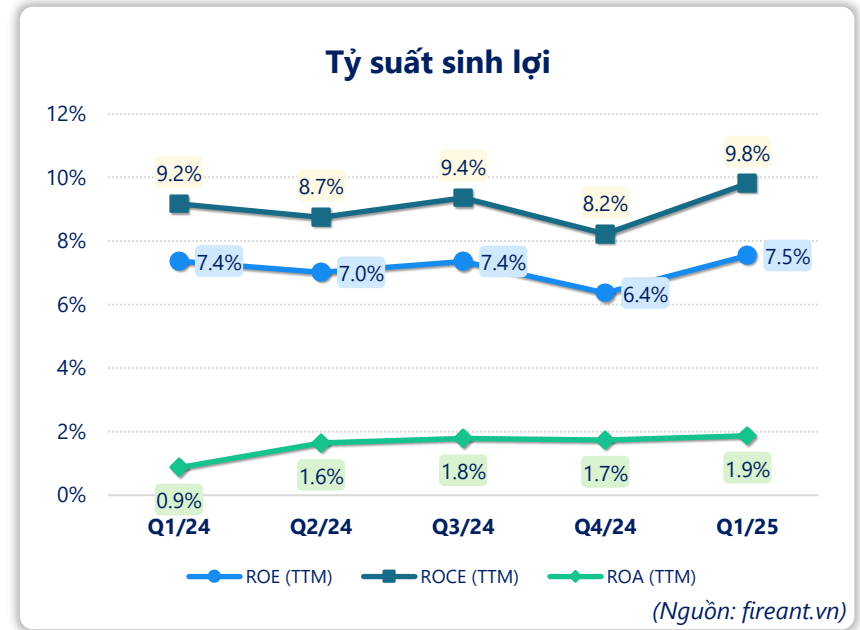
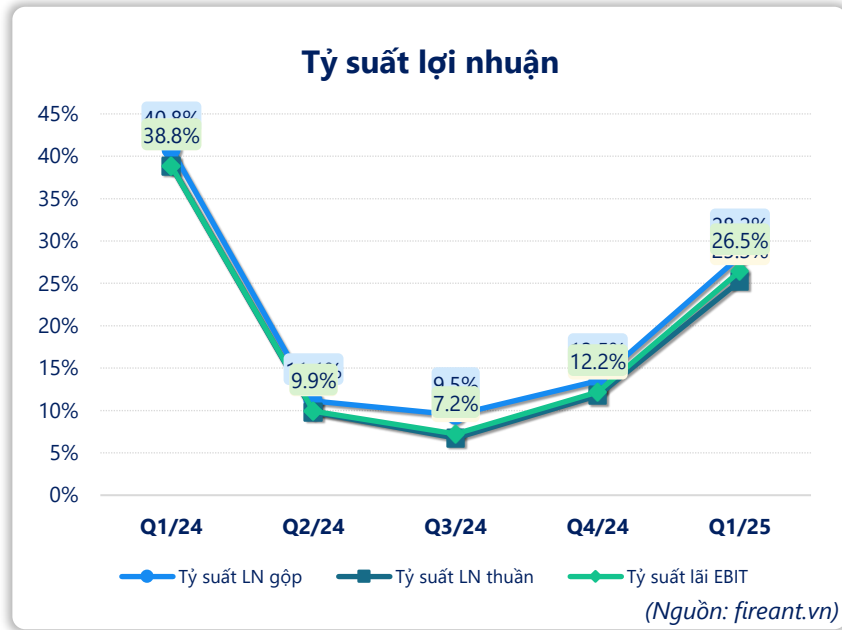
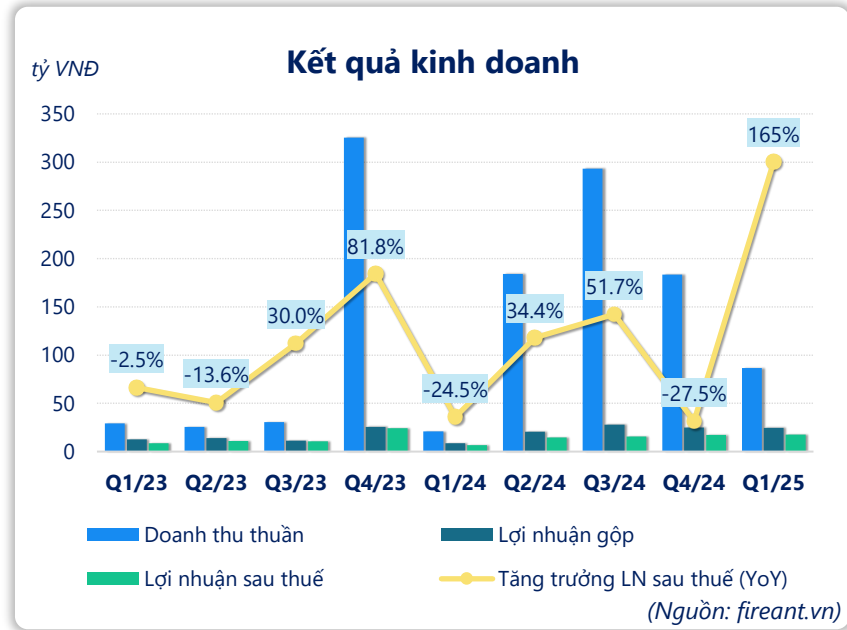


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		14,757
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,000
SL cổ phiếu LH		59,910,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)		96,895
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		659
P/E		10.1
EPS		1,087

	YTD	1T	3T	6T
DXP	-5.2%	-2.7%	-5.2%	-7.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	962	1,007	-4.5%
Tài sản ngắn hạn	494	538	-8.2%
Tiền và tương đương tiền	142	28.2	404%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	305	412	-25.8%
Phải thu ngắn hạn	34.8	92.2	-62.2%
Hàng tồn kho	10.4	5.35	95.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.66	0.38	73.9%
Tài sản dài hạn	468	469	-0.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.3	23.3	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.23	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	445	445	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.87	1.36	-35.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	82.1	145	-43.4%
Nợ ngắn hạn	82.1	145	-43.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	25.4	92.5	-72.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	37.6	36.5	3.2%
Nợ dài hạn	0	0.05	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	880	862	2.0%
Vốn chủ sở hữu	880	862	2.0%
Vốn điều lệ	599	599	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	21.0	184	293	184	86.6
Giá vốn hàng bán	12.5	164	265	159	62.2
Lợi nhuận gộp	8.60	20.5	27.8	24.7	24.4
Doanh thu HĐTC	3.89	3.92	3.00	5.23	7.07
Chi phí TC	0.26	1.52	3.38	0.96	1.03
Chi phí lãi vay	0	0.18	1.49	0.76	1.03
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0.07	3.64	3.47	4.10
Chi phí QLDN	4.06	4.78	3.99	3.96	4.48
LN thuần từ HĐKD	8.17	18.0	19.8	21.6	21.9
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	-0.05	0.01	0
LN trước thuế	8.17	18.0	19.7	21.6	21.9
Lợi nhuận sau thuế	6.51	14.6	15.7	17.3	17.5
LNST của CĐ cty mẹ	6.51	14.6	15.7	17.3	17.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-103	-158	78.9	52.1	67.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-25.8	23.2	-10.2	-183	114
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	116	-146	95.2	-67.1
Tiền đầu kỳ	288	159	140	63.3	28.2
Lưu chuyển tiền thuần	-129	-18.6	-77.0	-35.2	114
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	-0.01	0.01	0
Tiền cuối kỳ	159	140	63.3	28.2	142

(Nguồn: fireant.vn)